

Bản án số: 68/2019/DS-ST

Ngày: 31-10-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi

2. Bà Đinh Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2019/QĐST – DS ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Địa chỉ: Tầng 2, số 96, Cao Thắng, phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Xuân Quân, sinh năm: 1994 hoặc ông Trần Duy Phương, sinh năm: 1994 làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 31412/2019/UQ – PGDK ngày 07/8/2019)

Bị đơn: Bà T T X, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, Quận 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/8/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (gọi tắt là VP Bank) có ông Bùi Xuân Quân là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và bà T T X vay vốn theo theo

hợp đồng tín dụng được giải ngân vào ngày 19/11/2016 và xác nhận chấp thuận cho vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền vay là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng, lãi suất vay là 30%/năm, thời hạn vay là 60 tháng. Ngày 19/11/2016, Vpbank đã giải ngân số tiền vay là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) bằng phương thức chuyển khoản vào tài khoản số 111336717 của bà X mở tại Vpbank. Đồng thời, sau khi trừ số tiền bảo hiểm là 5.571.063 đồng vào ngày 19/11/2016. Ngày 21/11/2016, bà X cũng đã rút tiền mặt trực tiếp tại Ngân hàng với số tiền là 114.378.000 đồng (một trăm mười bốn triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, bà X đã thanh toán từ ngày 19/12/2016 đến ngày 31/8/2018 số tiền là 71.253.301 đồng (bảy mươi một triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm lẻ một đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 19.693.210 đồng (mười chín triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm mười đồng), số tiền lãi là 51.560.091 đồng (năm mươi một triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, không trăm chín mươi một đồng). Sau đó, bà X đã không thực hiện việc thanh toán cho Vpbank như đã thỏa thuận. Nay tại Tòa, Vpbank yêu cầu buộc bà X trả cho Vpbank số tiền tính đến ngày 31/10/2019 là 161.675.810 đồng (một trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm mười đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 100.306.790 đồng và tiền lãi là 61.369.020 đồng. Bà X còn phải trả lãi phát sinh trên nợ gốc chưa thanh toán theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 01/11/2019 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nay phía Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng chỉ yêu cầu cá nhân bà X trả số tiền nợ trên.

Bị đơn bà T T X trình bày: Bà xác nhận có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 60 tháng, không nhớ lãi suất vay. Thực hiện hợp đồng, hàng tháng, bà đã đóng tiền gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với số tiền khoảng 4. 000.000 đồng (bốn triệu đồng). Bà đã đóng nợ lãi và nợ gốc được nhiều hơn số tiền mà Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã công bố. Nay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu bà phải thanh toán tổng cộng số tiền 161.675.810 đồng (một trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm mười đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 100.306.790 đồng và tiền lãi là 61.369.020 đồng, bà có ý kiến như sau: Bà đề nghị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng xóa toàn bộ lãi, còn số tiền gốc thì bà đề nghị được trả theo phương thức trả dần, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ vì hoàn cảnh hiện nay của bà rất khó khăn, bà và chồng đã ly hôn từ năm 2010, hiện nay bà độc thân phải nuôi con nhỏ. Bà xác nhận đây là số tiền vay của cá nhân bà, không liên quan đến ai khác vì bà cũng đã ly hôn từ năm 2010.

Nội dung hai bên thống nhất được với nhau: Hai bên thống nhất được thời gian ký kết hợp đồng, số tiền vay, số tiền lãi. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất được phương thức trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm về thời hạn xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng khởi kiện vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà T T X, địa chỉ: 45, Nguyễn Tư Nghiêm, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn đang cư trú Quận 2 nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử nhận định: Về số tiền nợ gốc: Căn cứ đề nghị giấy đăng ký giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử, bộ điều khoản và điều kiện vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/11/2016 và xác nhận chấp thuận cho vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ngày 19/11/2016 giữa bà T T X và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, thể hiện: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có cho T T X vay số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận 30%/năm, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 1/10 hàng năm. Đồng thời, phía bị đơn bà T T X xác nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng vay số tiền nợ gốc như đại diện theo ủy quyền phía Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trình bày. Phía Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cho rằng bà X đã thanh toán được số tiền nợ gốc là 19.693.210 đồng (mười chín triệu, sáu trăm chín mươi ba nghìn, hai trăm mười đồng), còn nợ lại số tiền nợ gốc là 100.306.790 đồng (một trăm triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm chín mươi đồng). Tuy nhiên, phía bị đơn bà X cho rằng đã trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nhiều hơn số tiền do phía đại diện của Ngân hàng trình bày, tại phiên tòa, bà X có cung cấp các phiếu thu đã nộp tiền vào Ngân hàng để trả nợ, toàn bộ số tiền trên các phiếu thu đều trùng khớp với số tiền do phía Ngân hàng liệt kê cung cấp cho Tòa. Phía bà X không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh đã trả cho Ngân hàng số tiền nhiều hơn số tiền do đại diện phía Ngân hàng trình bày. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 về yêu cầu nợ gốc là có cơ sở. Do đó có đầy đủ cơ sở

buộc bà T T Tphải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nợ gốc là 100.306.790 đồng (một trăm triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm chín mươi đồng).

Về tiền lãi: Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Các bên tự nguyện thỏa thuận về mức tiền lãi, và được quy định trong hợp đồng. Do đó, số tiền lãi mà Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Từ ngày 01/11/2019 tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa hoàn trả theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định trong giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử, bộ điều khoản và điều kiện vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/11/2016 và xác nhận chấp thuận cho vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ngày 19/11/2016 cho đến khi thi hành án xong.

Về phương thức thanh toán: Phía bị đơn đề nghị được trả theo phương thức trả dần, mỗi tháng trả số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, phía nguyên đơn không đồng ý với phương thức trả nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng được hai bên giao kết từ tháng 11 năm 2016 nhưng phía bà X đã không thực hiện việc thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Kể từ ngày ký hợp đồng vay đến nay, phía bà X chỉ thanh toán được số tiền 71.253.301 đồng bao gồm số tiền nợ gốc là 19.693.210 đồng, số tiền lãi là 51.560.091 đồng, lần thanh toán cuối vào ngày 31/8/2018. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà T T X có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền còn nợ tính đến ngày 31/10/2019 là 161.675.810 đồng (một trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm mười đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 100.306.790 đồng (một trăm triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm chín mươi đồng) và tiền lãi là 61.369.020 đồng (sáu mươi một triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm hai mươi đồng).

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 8.083.790 đồng (tám triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm chín mươi đồng) bà T T X phải chịu. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã nộp là 3.784.336 đồng (ba triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0016711 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 22/8/2019.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 121, Điều 122, Điều 342, 343, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:

Buộc bà T T X có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền tính đến hết ngày 31/10/2019 là 161.675.810 đồng (một trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm mười đồng) bao gồm số tiền nợ gốc là 100.306.790 đồng (một trăm triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm chín mươi đồng) và tiền lãi là 61.369.020 đồng (sáu mươi một triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm hai mươi đồng).

Từ ngày 01/11/2019 tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh được quy định trong giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử, bộ điều khoản và điều kiện vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/11/2016 và xác nhận chấp thuận cho vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ngày 19/11/2016 cho đến khi thi hành án xong.

Các bên thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 8.083.790 đồng (tám triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, bảy trăm chín mươi đồng), bà T T X phải chịu. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã nộp là 3.784.336 đồng (ba triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0016711 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 22/8/2019.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, bà T T X được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân quận 2 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Hoài